

Số: 363/QĐ-ĐHSPTDTHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ,
ngành Giáo dục học của trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 20/8/2021 của Trường ĐHSPTDTHN Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo về đánh giá chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Giáo dục học ngày 23/8/2021 của Trường ĐHSPTDTHN Hà Nội; Theo đề nghị của Trường Khoa Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học - Mã ngành 9140101 của trường ĐHSPTDTHN Hà Nội (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 313/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 11/8/2020 của Hiệu trưởng trường ĐHSPTDTHN Hà Nội về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng khoa Đào tạo sau đại học, các Phòng, Khoa có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGDĐT (để báo cáo)
- CTHĐT, BGH (để báo cáo)
- Như điều 3 (để thực hiện)
- Lưu ĐT SĐH, HC-TH

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO
HÀ NỘI
* Nguyễn Duy quyết

CHUẨN ĐẦU RA

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo quyết định số 363/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 30 tháng 8/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội)

Ngành đào tạo	: Giáo dục học (Education Science)
Mã ngành	: 9140101
Tên chương trình	: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học (lĩnh vực Giáo dục thể chất) là đào tạo những nhà khoa học có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức thực tế, lý thuyết tiên tiến và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn về lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học (lĩnh vực giáo dục thể chất) nhằm đào tạo Nghiên cứu sinh trở thành các nhà khoa học có các năng lực cụ thể sau:

- Kiến thức thực tiễn, chuyên sâu, hiện đại về khoa học giáo dục và kiến thức trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao
- Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao.
- Trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu, có khả năng nghiên cứu các lĩnh vực của ngành, có phương pháp tư duy khoa học.
- Kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học và công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, giảng dạy và hoạt động chuyên môn
- Khả năng phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức được trang bị vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại các Nhà trường, cơ quan, tổ

chức, đơn vị công tác

2. YÊU CẦU NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

- Vận dụng sáng tạo các phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học trong tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ mới về lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao.

- Tổng hợp, đánh giá các kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực giáo dục thể chất, Thể dục thể thao và vận dụng sáng tạo kiến thức này trong nghiên cứu các lĩnh vực của ngành, có phương pháp tư duy khoa học.

- Xây dựng và đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu, tham gia hoặc tiến hành các nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, thể dục thể thao và các lĩnh vực khác có liên quan.

2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên môn, đánh giá dữ liệu và thông tin công việc phức tạp trong hoạt động Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học về Thể dục thể thao và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

- Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao.

- Kỹ năng quản lý điều hành chuyên môn thuộc lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao trong nghiên cứu và phát triển.

- Kỹ năng tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu về TĐTT và phổ biến kết quả nghiên cứu về Thể dục thể thao.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới về Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao.

- Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

- Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.

- Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

- Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong thực tiễn.

- Khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn cho người khác.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp

- Người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự cập nhật những kiến thức mới về các vấn đề trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- Sau khi tốt nghiệp người học có thể trở thành nhà nghiên cứu, giảng viên, cán bộ quản lý... có trình độ cao tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, viện nghiên cứu và các đơn vị khác.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo quyết định số 363/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội)

Ngành đào tạo : Giáo dục học (Education Science)
Mã ngành : 9140101
Tên chương trình : Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ
Hình thức đào tạo : Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt

Thời gian đào tạo: 03 năm (36 tháng) đối với người có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và 04 năm (48 tháng) đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

Trong trường hợp được gia hạn, tổng thời gian đào tạo không vượt quá 6 năm (72 tháng) tính từ ngày Trường ban hành quyết định công nhận trúng tuyển và có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục hồ sơ, trình luận án cho Trường đề nghị được đánh giá luận án Tiến sĩ cấp cơ sở.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học (lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao) là đào tạo những nhà khoa học có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức thực tế, lý thuyết tiến tiến và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn về lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học (lĩnh vực giáo dục thể chất, Thể dục thể thao) nhằm đào tạo nghiên cứu sinh trở thành các nhà khoa học có các năng lực cụ thể sau:

- Kiến thức thực tiễn, chuyên sâu, hiện đại về khoa học giáo dục và kiến thức trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao
- Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao
- Trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu, có khả năng nghiên cứu các lĩnh vực của ngành, có phương pháp tư duy khoa học.
- Kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách

sáng tạo; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học và công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, giảng dạy và hoạt động chuyên môn

- Khả năng phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức được trang bị vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại các Nhà trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- Vận dụng sáng tạo các phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học trong tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ mới về lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao

- Tổng hợp, đánh giá các kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực giáo dục thể chất, Thể dục thể thao và vận dụng sáng tạo kiến thức này trong nghiên cứu các lĩnh vực của ngành, có phương pháp tư duy khoa học.

- Xây dựng và đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu, tham gia hoặc tiến hành các nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, thể dục thể thao và các lĩnh vực khác có liên quan.

2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên môn, đánh giá dữ liệu và thông tin công việc phức tạp trong hoạt động Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học về TDDT và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

- Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao.

- Kỹ năng quản lý điều hành chuyên môn thuộc lĩnh vực Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao trong nghiên cứu và phát triển.

- Kỹ năng tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu về TDDT và phổ biến kết quả nghiên cứu về Thể dục thể thao.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới về Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao.

- Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

- Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.

- Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

- Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong thực tiễn.

- Khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn cho người khác.

3. Yêu cầu đối với người dự tuyển

3.1. Về văn bằng dự tuyển đầu vào

Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc bằng tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên với ngành đúng, phù hợp.

- Bằng thạc sĩ ngành đúng, phù hợp: Ngành/chuyên ngành Giáo dục thể chất; Ngành/ chuyên ngành Huấn luyện thể thao; Ngành Giáo dục học

- Bằng Đại học ngành đúng, phù hợp (*học bổ sung kiến thức trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành giáo dục học*): Ngành/ chuyên ngành Giáo dục thể chất; Huấn luyện thể thao; Quản lý thể dục thể thao; Y sinh học thể dục thể thao

3.2. Ngoại ngữ

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho nghiên cứu sinh toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (Phụ lục I).

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Điều 19 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế của trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội.

5. Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ

5.1. Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề và tiểu luận tổng quan: 27 tín chỉ

- Học phần bắt buộc: 9 tín chỉ

- Học phần tự chọn: 6 tín chỉ

- Các chuyên đề tiến sĩ: 9 tín chỉ

- Tiểu luận tổng quan: 3 tín chỉ

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Năm học
			Lý thuyết	Bài tập, Thực hành Thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu	
1. Học phần bắt buộc		9				
LLTT 901	Lý luận và phương pháp TĐTT	03	30	15	90	1
YHTT 902	Y học TĐTT	03	30	15	90	1
NCKH 903	Phương pháp NCKH TĐTT	03	30	15	60	1
2. Học phần tự chọn - chọn 3 trong các học phần sau:		6				
QLTT 904	Quản lý TĐTT	02	15	15	60	1
HLTT 905	Huấn luyện thể thao	02	15	15	60	1
SLTT 906	Sinh lý TĐTT	02	15	15	60	1
TCTT 907	Tuyển chọn thể thao	02	15	15	60	1
TLTT 908	Tâm lý học TĐTT	02	15	15	60	1
KTTT 909	Kinh tế học TĐTT	02	15	15	60	1
TTGT 910	Thể thao giải trí	02	15	15	60	1
3. Các chuyên đề và tiểu luận tổng quan		12				
CDTS 911	Chuyên đề 1	03	0	75	0	2 (3)
CDTS 912	Chuyên đề 2	03	0	75	0	2 (3)
CDTS 913	Chuyên đề 3	03	0	75	0	2 (3)
TLTQ 914	Tiểu luận tổng quan	03	0	75	0	2 (3)
Tổng		27				

5.2. Nghiên cứu khoa học, luận án tiến sĩ: 63 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học: Cả quá trình học.
- Luận án tiến sĩ: Năm thứ 3 hoặc năm thứ 4 (năm thứ 3 đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ; năm thứ tư đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học)

TT	Nội dung	Số tín chỉ	Năm học
1	<p>Các công bố khoa học</p> <p>Bài báo khoa học, sách được trích từ công trình nghiên cứu của luận án phải đạt 2,0 điểm trở lên tính theo thang điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định. Gồm 1 trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 bài báo khoa học, là tác giả chính của báo cáo Hội nghị khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus/hoặc 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước đánh giá 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo/ hoặc Sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành. - Hoặc có thể thay thế bằng: Có minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế/ hoặc 01 giải thưởng chính thức cho cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nhóm ngành TDTT có đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án. 	8	2, 3, 4
2	Luận án tiến sĩ	55	
2.1	Hoạt động nghiên cứu khoa học	47	3, 4
2.2	Báo cáo kết quả nghiên cứu cho người hướng dẫn, đơn vị quản lý của Trường, hoàn chỉnh luận án	8	3, 4
	Tổng cộng	63	

5.3. Nghiên cứu sinh có bằng đại học ngành phù hợp

5.3.1. Hoàn thành các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ

Nghiên cứu sinh cần học bổ sung kiến thức toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học hiện hành (trừ các học phần ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sĩ) của trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội. Thời gian hoàn thiện các học phần được thực hiện trong 1- 2 năm đầu của quá trình đào tạo.

5.3.2. Hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ

Nghiên cứu sinh có bằng đại học phải hoàn thành Chương trình đào tạo tiến sĩ đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ trình bày tại mục 5.1 và 5.2./.



PHỤ LỤC I
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO
TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 363/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Hà Nội)

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên